

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày: 14-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thuận

Ông Phạm Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Từ ngày 07 đến ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Hoàng M, sinh năm 1981 - Chủ hộ kinh doanh Cửa hàng phân bón thuốc bảo vệ thực vật Hoàng M.

Cư trú tại: Số xx Ấp X, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

Bị đơn:

- Ông Dương V, sinh năm 1972;

- Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1984;

Cùng cư trú tại: Số XXY Quốc lộ 1, khu phố T, Phường N, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Mộng H, sinh năm 1957; cư trú tại: Số YY Đường T, Phường M, thành phố T, tỉnh Long An, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/01/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1983;

Cư trú tại: Số xx Ấp X, xã V, huyện C, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; cư trú tại: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ông Thái Minh T, sinh năm 1991; cư trú tại: Số XY ấp B, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

(bà N vắng mặt, những người còn lại có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08 tháng 11 năm 2021 và lời trình bày của nguyên đơn ông Võ Hoàng M trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Ông M là chủ cửa hàng phân bón thuốc bảo vệ thực vật Hoàng M. Địa chỉ cửa hàng tại xã V, huyện C, tỉnh Long An. Từ ngày 13/10/2012 đến ngày 16/01/2014, Ông M nhiều lần bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho vợ chồng ông Dương V để trồng dưa hấu và buôn bán dưa hấu. Khi mua bán, hai bên có thỏa thuận miệng là sau khi thu hoạch xong mỗi đợt dưa thì ông V phải thanh toán hết số tiền mua phân thuốc đã nợ của đợt đó cho Ông M. Một thời gian sau, ông V thông báo làm dưa bị thua lỗ nên không mua phân bón, thuốc bảo vệ của Ông M nữa. Khi đó, hai bên có chốt lại số tiền mà ông V bà N còn nợ Ông M là 484.382.000 đồng. Do hai bên đã chốt nợ và ông V cũng nhiều lần trả dần số nợ nên Ông M không còn giữ sổ sách theo dõi.

Sau nhiều lần đôn đốc, ông V đã lần lượt trả cho Ông M số tiền gồm:

- Năm 2014, ông V trả 30.000.000 đồng;
- Ngày 30/12/2015, ông V trả 50.000.000 đồng;
- Ngày 15/12/2016, ông V trả 100.000.000 đồng;
- Cuối năm 2017, ông V trả 39.000.000 đồng.

Lúc này, ông V còn nợ lại số tiền 265.382.000 đồng nhưng ông V không có thiện chí trả nợ. Khi vợ chồng Ông M liên tục đòi nợ thì ông V than khổ do giá dưa rẻ nên làm ăn thất bại và đang đi làm ăn xa ở Phú Yên, Bình Định. Đến ngày 09/8/2019, ông V có chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị A là vợ Ông M số tiền 20.000.000 đồng. Lần lượt ngày 23/01/2020, ngày 22/9/2020, ông V trả tiếp vào tài khoản của bà A là vợ Ông M số tiền mỗi lần là 10.000.000 đồng. Đến ngày 30/9/2020, bà A gọi điện thoại và nhắn tin chốt nợ với ông V số tiền nợ còn lại là 225.382.000 đồng. Ông V có hứa cuối tháng sẽ trả nhưng đến ngày 31/10/2020, ông V chỉ chuyển khoản cho bà A số tiền 7.000.000 đồng. Sau đó, mặc dù vợ chồng Ông M đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin nhưng ông V không trả nợ mà có thái độ thách thức. Nhận thấy ông V không có thiện chí trả nợ nên Ông M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V bà N liên đới trả số nợ còn thiếu gồm nợ gốc là

218.382.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 20%/năm, tạm tính tiền lãi đến ngày 08/11/2021 như sau:

Từ 30/9/2020 đến 31/10/2020: $225.382.000đ \times 20\% \times 31 \text{ ngày}/360 \text{ ngày} = 3.881.579 \text{ đồng}$.

Từ 01/11/2020 đến ngày 08/11/2021: $(225.382.000đ + 3.881.579đ - 7.000.000đ \text{ (chuyển khoản trả cuối ngày 31/10/2020)}) \times 20\% \times 372 \text{ ngày}/360 \text{ ngày} = 45.934.473 \text{ đồng}$.

Tổng cộng yêu cầu vợ chồng ông V bà N liên đới trả số tiền là $218.382.000đ + 3.881.579đ + 45.934.473đ = 268.198.052 \text{ đồng}$.

Bị đơn ông Dương V và bà Nguyễn Thị Cẩm N do bà Trần Mộng H đại diện trình bày thể hiện:

Vợ chồng ông V bà N không có quan hệ mua bán gì với ông Võ Hoàng M, không có nhận phân bón thuốc bảo vệ thực vật gì của cửa hàng Ông M đồng thời cũng không có ký nhận nợ nần gì với Ông M. Ngoài ra, vợ chồng ông V bà N cũng không có nhận trả nợ thay cho ai và cũng không bảo lãnh cho ai. Chỉ có vài lần ông Hợp là người trông đưa nhờ ông V chuyển tiền trả cho Ông M giúp ông Hợp. Ông V quen biết ông Q là do trước đây ông V là lái đưa có thu mua dưa dẫu do ông Q trông. Do đó, việc Ông M đòi vợ chồng ông V trả nợ là vô lý. Các tin nhắn đòi nợ giữa vợ chồng Ông M với ông V chỉ thể hiện việc đòi nợ một phía từ nguyên đơn, bị đơn không có chốt nợ cũng không thừa nhận nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà A là vợ của Ông M. Ông V cho rằng không quen biết, không quan hệ mua bán phân bón thuốc bảo vệ thực vật với Ông M là không đúng sự thật. Bởi vì, có quen biết thân thiết thì Ông M mới cho ông V kéo dài thời hạn trả nợ như vậy. Những nội dung tin nhắn SMS qua lại trong điện thoại giữa ông V và vợ chồng Ông M đã thể hiện rõ việc ông V nhiều lần xin gia hạn trả số nợ còn thiếu. Mặt khác, ông V đã nhiều lần chuyển khoản trả nợ vào tài khoản của bà A gồm các ngày: 09/8/2019, 23/01/2020, 22/9/2020, 31/10/2020 với tổng cộng số tiền 47.000.000 đồng. Do đó, bà A thống nhất yêu cầu khởi kiện của Ông M.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ; bị đơn có yêu cầu triệu tập anh Thái Minh T tham gia phiên tòa với tư cách người làm chứng và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 218.382.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 10%/năm, cụ thể:

Từ 30/9/2020 đến 31/10/2020: $225.382.000đ \times 10\% \times 31 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 1.914.203 \text{ đồng}$.

Từ 01/11/2020 đến ngày xét xử (07/7/2022): $(225.382.000đ + 1.914.203đ - 7.000.000đ)$ (chuyển khoản trả cuối ngày 31/10/2020) $\times 10\% \times 613 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 36.997.691 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi là 38.911.894 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 257.293.894 đồng.

Nguyên đơn xác định không quen biết ông Đặng Văn Q, không có bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho ông Q mà chỉ có bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho ông V. Mỗi lần ông V đặt hàng mua phân bón, thuốc bảo vệ thì ông V sẽ gọi điện thoại và cho xe tải đến cửa hàng, ông V dặn giao hàng cho xe tải có tên “Vũ Dưa” nên Ông M cũng không biết ông Thái Minh T là ai. Mỗi lần giao nhận hàng đều không có ký nhận mà chỉ có sổ theo dõi từ phía Ông M. Sau khi hai bên không mua bán với nhau và có chốt số nợ còn lại là 484.382.000 đồng, ông V cũng nhiều lần trả dần số nợ nên Ông M không còn giữ sổ sách theo dõi giao hàng.

Bà Trần Mộng H đại diện cho bị đơn trình bày: Vợ chồng ông V bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Dương V vì giữa hai bên không có quan hệ mua bán phân bón thuốc bảo vệ thực vật gì cả, ông V cũng không bảo lãnh hay nhận nợ giùm cho ai. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật như sổ sách hay biên bản tất toán nợ giữa hai bên. Nội dung các tin nhắn qua lại giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ là nhắn tin một chiều của nguyên đơn, không thể hiện sự chốt nợ giữa hai bên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Dương V trình bày như sau: Ông V và bà N kết hôn năm 2006, bà N ở nhà làm nội trợ, không biết việc làm ăn của ông V. Ông V là chủ thuê bao di động số “0918468478”. Ông V chỉ biết Ông M chứ không có thân thiết hay mua bán gì. Ông V có nhắn tin điện thoại qua lại hứa hẹn trả nợ cho vợ chồng Ông M là do ông V làm lái dưa, có mua dưa của ông Q (tên gọi khác: Bảy Hợp) về bán lại; còn ông Q là người mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Ông M. Vì ông Q ở xa có gửi tiền nhờ ông V trả cho Ông M nhưng ông V lỡ xài hết số tiền này nên chưa trả được. Số tiền 47.000.000 đồng mà ông V chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng của bà A là số tiền ông Q nhờ ông V trả cho Ông M. Ông V cho rằng khi bà A nhắn tin “Anh Chị V kế hoạch trả tiền 225.382.000 Hoàng M sao? Trễ hạn trên 3 năm. Gọi báo em. Vợ M” và ông V trả lời tin nhắn “Có a gọi liền cho” là do ông V nhầm lẫn số nợ chỉ vài chục triệu đồng nên mới trả lời tin nhắn như vậy.

Người làm chứng ông Đặng Văn Q trình bày như sau: Ông Q chỉ biết Ông M có cửa hàng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ở đường Kênh 79, xã Vĩnh Đại, huyện T chứ không có quen biết Ông M. Còn ông Q và ông V có quen biết nhau là do nhiều năm về trước ông Q là người trồng dưa, ông V là lái mua dưa của ông Q. Khoảng từ năm 2012 đến năm 2014, ông Q và ông V có hùn trồng dưa theo cách thức: ông Q có đất và nhân công, còn ông V cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Tới đầu mùa, ông V sẽ cho người chở phân bón, thuốc bảo vệ thực vật xuống

giao tại ruộng trồng dưa, khi đó ông Q chỉ nhận và sử dụng. Ông T có đến chỗ trồng dưa của ông Q để chở dưa cho ông V và có chở phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giao cho ông Q tại xã Thái Kỳ, huyện Vĩnh Hưng khoảng hai, ba lần. Ngoài ra, có lần thiếu phân thuốc cho dưa, ông V có kêu ông Q đến cửa hàng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật do Ông M làm chủ trên đường Kênh 79, xã V, huyện T lấy một ít thùng thuốc. Khi lấy thuốc thì ông Q cũng không có trả tiền vì ông V dặn để ông V thanh toán cho Ông M. Ông V mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của ai để đưa ông Q trồng dưa thì ông Q cũng không rõ. Tới cuối mùa, ông Q sẽ bán dưa cho một mình ông V; khi ông V trả tiền dưa cho ông Q thì ông V đã trừ đi tất cả chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật mà ông V đã giao cho ông Q trồng dưa trước đó.

Việc hùn trồng dưa giữa ông V và ông Q đã chấm dứt từ năm 2014, hai bên không còn nợ nần gì nhau. Ông Q xác định ông Q không có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật từ Ông M; việc nhận phân thuốc từ ông T chở giao là do giữa ông Q và ông V có hùn trồng dưa hấu. Do đó, việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giữa Ông M và ông V không liên quan gì đến ông Q.

Người làm chứng ông Thái Minh T trình bày như sau:

Vào khoảng năm 2011 đến năm 2017, ông T có làm thuê cho bà T là mẹ ruột của ông Dương V và ông Dương V. Công việc chính là tài xế lái xe tải chở dưa hấu. Ông T lái xe chở dưa hấu từ nhiều nơi tập kết về cửa hàng dưa của bà Tư tại Cầu Voi (cửa hàng tên là V).

Khoảng từ năm 2012 đến năm 2013, bà T kêu ông T lái xe đến ruộng dưa của ông Bảy Hợp ở xã T, huyện V chở dưa hấu. Đến nay, ông T mới biết tên thật của ông Bảy H là Q.

Từ năm 2013 đến năm 2014, ông Q có điện thoại kêu ông T đến cửa hàng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tên Minh để chở phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giao cho ông Q. Mỗi lần chở phân thuốc cho ông Q là có sự đồng ý qua điện thoại của bà Tư là mẹ ruột ông V. Cửa hàng này gần cầu V, huyện C, tỉnh Long An. Khi đến cửa hàng, phân thuốc đã được chuẩn bị sẵn, người bốc xếp của cửa hàng chất lên xe, ông T chỉ việc lái xe giao hàng đến địa điểm đã hẹn trước. Ông T chở phân thuốc khoảng hai, ba chuyến từ V, huyện C lên chỗ ông Q trồng dưa ở xã Thái Kỳ, huyện Vĩnh Hưng; ngoài ra, ông T không còn chở phân thuốc từ cửa hàng nào khác của Ông M cho ông Q.

Mỗi lần chở dưa hay chở phân thuốc nêu trên, ông T đều không có ký nhận hay trả tiền gì cả. Mỗi chuyến chở phân bón giao cho ông Q, ông T cũng không có nhận bất kỳ chi phí vận chuyển nào từ ông Q vì ông T nhận lương hàng tháng từ bà Tư là mẹ ông V. Do đó, ông T không biết việc hùn hạp làm ăn gì giữa ông Q và ông V cũng như không biết việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giữa Ông M và ông V. Nội dung xác nhận ngày 14/6/2022 là do ông V kêu ông T viết để làm chứng cho việc ông V không mua bán và nhận phân thuốc của đại lý anh Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự, người làm chứng tại phiên tòa thấy rằng:

Tập đoàn Bru Chính Viễn Thông Việt Nam cung cấp thông tin cho Tòa án thể hiện khách hàng đăng ký sử dụng số điện thoại 0918468478: Dương V; sinh ngày 30/7/1972, Số CMTND 301047787 ngày cấp 16/07/2002. Địa chỉ thường trú tại: Số XYZ ấp B, xã B, T, Long An. Tại phiên tòa, ông V thừa nhận ông V là người trực tiếp sử dụng số điện thoại 0918468478 và ông V có sử dụng số điện thoại 0918468478 nhắn tin trả lời các tin nhắn SMS của Ông M bà A. Đồng thời, ông V thừa nhận khi ông V trả tiền mua dưa hấu cho ông Q thì ông V đã cản trừ tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu để trả tiền cho Ông M. Lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của ông Q cũng xác nhận khi ông V trả tiền mua dưa cho ông Q thì ông V đã có cản trừ tiền phân, thuốc bảo vệ thực vật để trả cho Ông M. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời thừa nhận đó có đủ cơ sở xác định ông V có mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của ông Võ Hoàng M để cung cấp cho ông Q trồng dưa. Từ phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của Ông M đối với ông Dương V và bà Nguyễn Thị Cẩm N về việc trả số tiền nợ còn thiếu là 218.382.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/9/2020 đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm đối với tiền mua bán phân và thuốc bảo vệ thực vật là có cơ sở chấp nhận. Ông V bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Võ Hoàng M khởi kiện ông Dương V, bà Nguyễn Thị Cẩm N yêu cầu trả số tiền nợ còn thiếu từ việc mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Ông V, bà N hiện đang cư trú tại Phường N, thành phố T, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điều 430 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V trình bày cho rằng có việc trả tiền cho vợ chồng Ông M bà A nhưng chỉ là việc trả giùm cho ông Q chứ không có nợ tiền mua bán gì với Ông M. Tòa án cho tiến hành đối chất giữa Ông M, ông V và ông Q; Ông M và ông Q đều trình bày thống nhất là không có việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật với nhau. Ông M xác định chỉ yêu cầu vợ chồng Dương V và bà Nguyễn Thị Cẩm N trả số tiền nợ còn thiếu theo các tin nhắn SMS giữa hai bên. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn có yêu cầu triệu tập ông Thái Minh T tham gia phiên tòa với tư cách người làm chứng và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông Q, ông T là người làm chứng theo Điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng ông Dương V, bà Nguyễn Thị Cẩm N liên đới trả số tiền nợ còn thiếu từ việc mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật với số tiền 218.382.000 đồng và tiền lãi từ ngày 30/09/2020 đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo văn bản xác nhận của cơ quan viễn thông tại Văn bản số 695/TTKD LA-ĐHNV ngày 05/4/2021 và số 1964/VNPT-KTPCTT-TL ngày 20/4/2021 thể hiện thông tin khách hàng đăng ký sử dụng số điện thoại 0918468478 là ông Dương V, sinh ngày 30/7/1972, số CMND: 3011047787.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Dương V thừa nhận đến thời điểm hiện tại, ông V vẫn là chủ thuê bao di động số 0918468478. Có lúc ông V thừa nhận có gọi điện thoại và nhắn tin SMS qua lại với vợ chồng ông Võ Hoàng M bà Nguyễn Thị A nhưng do đã lâu nên không nhớ rõ nội dung các tin nhắn đồng thời không còn lưu giữ các tin nhắn này trên điện thoại di động, có lúc ông V cho rằng ông không có nhắn tin với Ông M bà A, có lúc ông V cho rằng nhầm lẫn số tiền 225.382.000 đồng là số tiền mấy chục triệu nên mới hứa hẹn trả nợ.

Tuy nhiên, theo Vi bằng số 301/2021/ViB-TPL.LA lập ngày 24/12/2021, phát hành ngày 31/12/2021 của Văn phòng Thừa phát lại L lập thể hiện nội dung các tin nhắn như sau:

Tin nhắn giữa ông Võ Hoàng M và ông Dương V gồm:

Tin nhắn SMS thứ nhất: gửi đi từ số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) đến số thuê bao 0918468478 (V) vào lúc 15:43, Thứ Sáu, ngày 21/8/2020 thể hiện “Anh vủ coi xếp chuyển tiền cho em anh. Nay quá lâu rồi anh, Lúc này em cũng kẹt quá”.

Tin nhắn SMS thứ hai: từ số thuê bao 0918468478 (V) đến số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) vào lúc 15:49, Thứ Sáu ngày 21/8/2020 thể hiện “Ráng cuối tháng này đi e a đang khổ lắm”.

Tin nhắn SMS thứ ba: từ số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) đến số thuê bao 0918468478 (V) vào lúc 15:54, Thứ Sáu, ngày 21/8/2020: “Anh sxep dùm em chuyển hàng tháng cho em đi vì này nay lâu quá đó anh”

Tin nhắn SMS thứ tư: từ số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) đến số thuê bao 0918468478 (V) vào lúc 18:57, Thứ Sáu, ngày 28/8/2020: “Anh coi chuyển em nha anh cuối tháng rồi”.

Tin nhắn SMS thứ năm: từ số thuê bao 0918468478 (V) đến số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) vào lúc 09:16, Thứ Bảy ngày 29/8/2020: “Cuối tháng mà mình”.

Tin nhắn SMS thứ chín: từ số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) đến số thuê bao 0918468478 (V) vào lúc 15:59, Thứ Tư, ngày 16/9/2020: “Anh chuyển em chưa anh”.

Tin nhắn SMS thứ mười: từ số thuê bao 0918468478 (V) đến số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) vào lúc 16:00, Thứ Bảy ngày 16/9/2020: “A đang chờ người ta đưa anh chuyển cho e”.

Tin nhắn SMS thứ mười hai: từ số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) đến số thuê bao 0918468478 (V) vào lúc 9:37, Thứ Sáu, ngày 18/9/2020: “Sao rồi anh”.

Tin nhắn SMS thứ mười ba: từ số thuê bao 0918468478 (V) đến số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) vào lúc 09:44, Thứ Sáu ngày 18/9/2020 “Thứ hai m”.

Tin nhắn SMS thứ mười sáu: từ số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) đến số thuê bao 0918468478 (V) vào lúc 16:21, Thứ Ba, ngày 22/9/2020: “Anh nhận được 10 tr rồi nha anh. Mà lâu quá rồi mà anh chuyển vậy cho em ít quá. Vậy anh xep 1 hoặc 2 tuần chuyển em nữa nha”.

Tin nhắn SMS thứ mười bảy: từ số thuê bao 0918468478 (V) đến số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) vào lúc 16:45, Thứ Ba ngày 22/9/2020 “Anh mượn đã đời mới có được nhiều đồ em”.

Tin nhắn SMS thứ mười tám: từ số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) đến số thuê bao 0918468478 (V) vào lúc 16:48, Thứ Ba, ngày 22/9/2020: “Thì anh xep tiếp dùm em nữa đi vì này lâu quá rồi anh”.

Tin nhắn SMS thứ mười chín: từ số thuê bao 0918468478 (V) đến số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) vào lúc 17:04, Thứ Ba ngày 22/9/2020 “A khổ lắm em ơi”.

Tin nhắn SMS thứ hai mươi bốn: từ số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) đến số thuê bao 0918468478 (V) vào lúc 13:08, Thứ Tư, ngày 23/9/2020: “Kế hoạch anh trả nợ cho: 225.382.000đ như thế nào vậy?”.

Tin nhắn SMS thứ hai mươi lăm: từ số thuê bao 0918468478 (V) đến số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) vào lúc 20:35, Thứ Sáu ngày 30/10/2020: “Nhấn cho a tài khoản mình”.

Tin nhắn SMS thứ hai mươi sáu: từ số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) đến số thuê bao 0918468478 (V) vào lúc 20:38, Thứ Sáu, ngày 30/10/2020: “Stk: Nguyễn Thị A 2334509 ngân hàng á châu chi nhánh long an”.

Tin nhắn giữa ông Võ Hoàng M và bà Nguyễn Thị A gồm:

Tin nhắn SMS thứ nhất: từ số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) đến số thuê bao 0918468478 (Anh V) vào lúc 14:18, ngày 30/9/2020 “Anh chị V kế hoạch trả tiền 225.382.000 Hoàng M sao?. Trễ hạn trên 3 năm. Gọi báo em. Vợ M”.

Tin nhắn SMS thứ hai: từ số thuê bao 0918468478 (Anh V) đến số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) ngày 30/9/2020: “Có a gọi liền cho”.

Tin nhắn SMS thứ ba: từ số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) đến số thuê bao 0918468478 (Anh V) vào lúc 10:36, ngày 03/10/2020 “Cho em lịch cụ thể anh chị nhé”.

Tin nhắn SMS thứ bảy: từ số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) đến số thuê bao 0918468478 (Anh V) vào lúc 13:54, ngày 12/10/2020 “Vc anh ghé gặp tui em nói chuyện cụ thể”.

Tin nhắn SMS thứ tám: từ số thuê bao 0918468478 (Anh V) đến số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) ngày 12/10/2020 “A đang ở phú yên về a ghé”.

Tin nhắn SMS thứ mười: từ số thuê bao 0918468478 (Anh V) đến số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) ngày 12/10/2020 “A con phải gom tiền”.

Tin nhắn SMS thứ mười ba: từ số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) đến số thuê bao 0918468478 (Anh V) vào lúc 09:46, ngày 16/10/2020 “Em nhắn anh chị ngày mai là đến ngày hẹn”.

Tin nhắn SMS thứ mười bốn: từ số thuê bao 0918468478 (Anh V) đến số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) ngày 16/10/2020 “Cuối tháng a gom a gửi”.

Tin nhắn SMS thứ mười chín: từ số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) đến số thuê bao 0918468478 (Anh V) vào lúc 14:29, ngày 30/10/2020 “Chuyển chưa anh chị V ơi, em đang đợi”.

Tin nhắn SMS thứ hai mươi: từ số thuê bao 0918468478 (Anh V) đến số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) ngày 30/10/2020 “7h toi”.

Tin nhắn SMS thứ hai mươi hai: từ số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) đến số thuê bao 0918468478 (Anh V) vào lúc 10:19, ngày 31/10/2020 “Bên em chưa nhận đủ tiền thanh toán. Anh/chị Vui lòng chuyển khoản hết số nợ còn lại: 218.382.000đ. (225.382.000đ-7tr (đã chuyển khoản ngày 30/10/2020) như đã hẹn”.

Ông V cho rằng không có quan hệ làm ăn gì với Ông M nhưng từ các tin nhắn SMS qua lại giữa Ông M, bà A với ông V nêu trên đã thể hiện ông V đã quen biết làm ăn với Ông M được một thời gian dài. Nội dung các tin nhắn này không thể hiện có việc ông Q nhờ ông V chuyển khoản trả số nợ còn thiếu cho Ông M mà chỉ thể hiện việc ông V đồng ý số nợ còn thiếu và xin gia hạn thời hạn trả nợ. Điều này phù hợp với lời trình bày của Ông M và ông Q về việc Ông M và ông Q không có quan hệ mua bán phân thuốc gì với nhau.

Các tin nhắn từ số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) đến số thuê bao 0918468478 (V) vào lúc 13:08, Thứ Tư, ngày 23/9/2020: “Kế hoạch anh trả nợ cho: 225.382.000đ như thế nào vậy?”; từ số thuê bao 0918468478 (V) đến số thuê bao 0942128008 (Võ Hoàng M) vào lúc 20:35, Thứ Sáu ngày 30/10/2020: “Nhắn cho a tài khoản mình”; từ số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) đến số thuê bao 0918468478 (Anh V) vào lúc 14:18, ngày 30/9/2020 “Anh chị V kế hoạch trả tiền 225.382.000 Hoàng M sao?. Trễ hạn trên 3 năm. Gọi báo em. Vợ M”; từ số thuê bao 0918468478 (Anh V) đến số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) ngày 30/9/2020: “Có a gửi liền cho”; từ số thuê bao 0918468478 (Anh V) đến số thuê bao 0944577907 (Nguyễn Thị A) ngày 16/10/2020 “Cuối tháng a gom a gửi”. Các tin nhắn này đã thể hiện việc ông V thừa nhận còn nợ của Ông M và đồng ý với số tiền nợ do phía Ông M yêu cầu. Tại phiên tòa, ông V cũng thừa nhận có việc khi thanh toán tiền mua đưa cho ông Q thì ông V đã có trừ lại chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ra. Lời trình bày này phù hợp với lời trình bày của ông Q về việc giữa ông Q và ông V có hôn nhau trông đưa và ông V là người cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Còn ông T chỉ là tài xế lái xe cho nhà ông V, được hưởng lương theo tháng. Khi vận phân bón, thuốc bảo vệ không có nhận chi phí từ ông Q. Lời trình bày của ông T và ông Q phù hợp với lời trình bày của Ông M và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ông V cho rằng ông Q nhờ ông V trả nợ giùm cho Ông M nhưng lời trình bày này của ông V

không được ông Q và Ông M thừa nhận, ông V cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh có việc ông Q nhờ ông V trả tiền phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho Ông M.

Do đó, ông V cho rằng ông Q là người mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Ông M, ông V không liên quan đến số nợ còn thiếu của Ông M mà ông V chỉ trả tiền giùm cho ông Q là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày này của ông V và người đại diện của bị đơn.

[4] Do vợ chồng ông V vi phạm nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản nên Ông M yêu cầu vợ chồng ông V trả tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả là phù hợp quy định tại Điều 440, 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể:

Từ 30/9/2020 đến 31/10/2020: $225.382.000đ \times 10\% \times 31 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 1.914.203 \text{ đồng}$.

Từ 01/11/2020 đến 07/7/2022: $(225.382.000đ + 1.914.203đ - 7.000.000đ \text{ (chuyển khoản trả cuối ngày 31/10/2020)}) \times 10\% \times 613 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 36.997.691 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là: $218.382.000đ + 1.914.203đ + 36.997.691đ = 257.293.894 \text{ đồng}$.

[5] Yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng M là có căn cứ chấp nhận nên buộc ông V và bà N trả cho Ông M số nợ còn thiếu là 257.293.894 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Dương V và bà Nguyễn Thị Cẩm N phải liên đới chịu 05% án phí trên giá trị tài sản tranh chấp là $05\% \times 257.293.894 \text{ đồng} = 12.864.694 \text{ đồng}$.

[7] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hoàng M đối với ông Dương V và bà Nguyễn Thị Cẩm N về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Dương V và bà Nguyễn Thị Cẩm N liên đới trả cho ông Võ Hoàng M số tiền 257.293.894 đồng gồm gốc là 218.382.000 đồng và lãi là 38.911.894 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương V và bà Nguyễn Thị Cẩm N phải liên đới chịu 12.864.694 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Hoàng M không phải chịu án phí, Ông M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 6.705.550 đồng đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005086 ngày 31/12/2020 và 0001096 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có lý do chính đáng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn